

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 2517/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hạ Long, ngày 17 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (Tỷ lệ 1/2000) Hệ thống cảng
bến thủy nội địa khu vực xã Cẩm Hải, thị xã Cẩm Phả**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai, Luật Xây dựng năm 2003 và các Nghị định hướng
dẫn;

Căn cứ Quyết định số 525/2006/QĐ-UBND ngày 14/02/2006 của UBND
tỉnh “V/v Quy định về trình tự thủ tục địa điểm, xét duyệt quy hoạch xây
dựng...”;

Căn cứ chủ trương lập quy hoạch hệ thống cảng bến thủy nội địa khu vực
xã Cẩm Hải của UBND tỉnh tại văn bản số 1603/UBND ngày 16/5/2006;

Căn cứ Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 14/3/2007 của UBND tỉnh
“V/v phê duyệt đề án quy hoạch sắp xếp lại các cảng và bến thủy nội địa tiêu
thụ than và lộ trình cho phép xe vận chuyên than hoạt động trên các tuyến đường
giao thông”;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UB ngày 04/6/2007 của UBND tỉnh “V/v
phê duyệt địa điểm Quy hoạch xây dựng Hệ thống cảng bến thủy nội địa khu
vực xã Cẩm Hải, thị xã Cẩm Phả”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 273/SXD-MBQH ngày
05/7/2007, UBND thị xã Cẩm Phả tại Tờ trình số 71/TTr-UB ngày 08/6/2007 và
Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Hệ thống cảng bến thủy nội địa
khu vực xã Cẩm Hải, Thị xã Cẩm Phả đã được UBND thị xã Cẩm Phả thỏa
thuận và Sở Xây dựng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (Tỷ lệ 1/2.000) Hệ thống
cảng bến thủy nội địa khu vực xã Cẩm Hải, thị xã Cẩm Phả với các nội dung:

I. TÊN ĐỒ ÁN: Quy hoạch chi tiết xây dựng (Tỷ lệ 1/2.000) Hệ thống
cảng bến thủy nội địa khu vực xã Cẩm Hải, thị xã Cẩm Phả;

II. MỤC TIÊU:

- Hình thành được một Hệ thống cảng, bến thủy nội địa khu vực xã Cẩm Hải phục vụ vận chuyển than, nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ phát triển công nghiệp; hệ thống cảng có cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại và đồng bộ, thuận lợi công tác quản lý và bảo vệ môi trường; đáp ứng nhu cầu chuyển các bến cảng khu vực Cẩm Y sang (phục vụ việc giải phóng mặt bằng để xây dựng Dự án Nhiệt điện Mông Dương) và đáp ứng nhu cầu đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp khác ngoài ngành than;

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH:

1. Địa điểm, phạm vi ranh giới:

- Địa điểm xây dựng: Tại xã Cẩm Hải, Thị xã Cẩm Phả (UBND tỉnh phê duyệt địa điểm xây dựng tại Quyết định số 1907/QĐ-UB ngày 04/6/2007);

- Ranh giới giới hạn bởi các điểm A,B,C,... ,A như sau:

+ Phía Bắc giáp đầm ao nuôi trồng thủy sản;

+ Phía Nam giáp biển;

+ Phía Đông giáp bãi đá ngầm;

+ Phía Tây giáp biển và khu đò keo;

- Tổng diện tích quy hoạch: 36,05 ha. Trong đó 17,0 ha là khu đò keo, 19,05 ha là đất trũng và đất bãi và mặt nước;

2. Quy mô và công suất bến cảng:

- Số lượng bến cảng: 05 bến cảng gắn với các bãi than, kho hàng hóa;

- Bến cảng thiết kế quy hoạch cho loại tàu có tải trọng: 1000 DWT và 2000 DWT; độ sâu mớn nước bến 3.5m; cao trình đỉnh bến 4.0m (tương đương 5.9 m trong hệ hải đồ); cao độ đáy bến -3,2 m;

- Ranh giới vùng nước hoạt động trước bến lấy 50 m tính từ mép cảng ra phía biển;

- Khu đậu tàu: Phía bờ đối diện qua Luồng Gạc là những đảo nhỏ tạo thành những vùng nước lặng, thực tế có thể bố trí 02 khu vực neo đậu tàu ở đây để chờ làm hàng và tránh bão.

- Công suất xuất than dự kiến bến cảng khu vực xã Cẩm Hải đạt 5 triệu tấn năm 2010;

3. Tính chất và khu chức năng:

3.1. Tính chất: Là hệ thống bến cảng xuất than sạch (việc chế biến than được thực hiện tại các mỏ, sau đó chuyển than thành phẩm đến cảng để xuất đi);

3.2. Phân khu chức năng: Hệ thống cảng được phân thành 05 khu gồm khu A, B, C, D và E, với tổng hợp sử dụng đất các khu như sau:

| STT | Hạng mục | Chiều dài mặt cảng (m) | Diện tích (Ha) | Tỷ lệ (%) |
|-----|---|------------------------|----------------|-----------|
| 1 | Khu A | 441,00 | 10,36 | 22,68 |
| 2 | Khu B (Tính cả mương thoát nước rộng 14m) | 200,00 | 1,78 | 3,89 |
| 3 | Khu C | 170,00 | 1,42 | 3,10 |
| 4 | Khu D | 175,00 | 1,66 | 3,63 |
| 5 | Khu E | 175,00 | 3,85 | 8,41 |
| 6 | Đường giao thông chung | | 9,64 | 21,10 |
| 7 | Khu đôi keo | | 17,00 | 37,20 |
| | Tổng cộng | | 45,71 | 100,00 |

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. San nền và kè:

- Cao độ khống chế mặt bến cảng từ 4,0m đến 5,0m (tương đương 5,9 - 6,9m trong hệ hải đồ); độ dốc theo hướng dọc từ 0,19% đến 0,21%, dốc ngang về hai phía 1% đảm bảo thoát nước mặt và thuận lợi cho các phương tiện vận hành trên bến. Cao độ mặt nền từ 4,0m đến 9,15m tùy theo địa hình khu vực, độ dốc nền hoàn thiện từ 0,26 % đến 0,3 % đảm bảo thoát nước tự chảy đồng thời đảm bảo khối lượng đào đắp nhỏ nhất, hướng dốc từ đôi ra mặt bến cảng rồi thoát ra biển;

- Hệ số đàn nén nền đường $K = 0.98$, nền mặt bằng $K = 0.95$; tổng chiều dài bến cảng 1161m;

4.2. Giao thông:

a) Giao thông đường thủy: Tổng chiều dài bến từ 1161m, năng lực 2500-3000 tấn/1m dài bến; đảm bảo về diện tích và luồng lạch để tiếp nhận tàu có tải trọng từ 1000DWT-2000DWT;

b) Giao thông đường bộ:

- Tuyến đường chính điểm đầu từ tuyến đường vào Cảng than Công ty Đức Trung (cách đường quốc lộ 18 khoảng 250m), điểm cuối tuyến nằm tại Khu A với chiều dài tuyến khoảng 2,3 km; mặt cắt ngang đường như sau:

+ Lòng đường xe chạy rộng 17m; lề đường 2x1,5m; tổng bề rộng mặt cắt ngang đường 20m; độ dốc dọc $i_{max} = 8\%$; độ dốc ngang $i = 2\%$;

+ Tuyến đường được thiết kế tiêu chuẩn đường trong khu công nghiệp, tải trọng H30;

+ Đoạn đường đi qua vị trí kênh thải nước làm mát của nhiệt điện bố trí 03 Công tròn bê tông cốt thép $D=1500\text{mm}$, $L=38\text{m}$ đảm bảo cho lưu lượng dòng chảy và xe tải trọng H30 đi qua;

- Tuyến đường mặt bến: bao quanh mặt cảng, vừa có tác dụng là đường giao thông, vừa có tác dụng làm mặt bằng neo đậu của các phương tiện trong quá trình khai thác; mặt cắt ngang 25m với tổng chiều dài 1161,0m;

- Các tuyến đường nhánh có mặt cắt ngang 11,0m, tổng chiều dài 1,847.23m;

4.3. Cấp nước:

- Nguồn nước: Từ tuyến ống cấp nước $D500\text{mm}$ cấp nước cho thị xã, cách khu vực quy hoạch 3km. Nước được dẫn vào bể ngầm và bơm tăng áp dẫn tới những điểm dùng nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và các nhu cầu dịch vụ khác khu bến cảng;

- Xây dựng 01 bể nước ngầm có dung tích $W_b = 65\text{m}^3$ cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ dự án; xây dựng đài nước dung tích $12,5\text{m}^3$ cấp nước cho khu vực;

- Hệ thống đường ống: $D63$, $D50$, $D32$ (mm), ống cấp nước khi qua lòng đường được đặt trong ống thép lồng đường kính ống $D100\text{mm}$; đặt 02 họng cứu hoả $D80\text{mm}$, họng cứu hoả đặt trên hè đường và cách lề đường không quá 2,5m;

4.4. Thoát nước và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải: Sử dụng hệ thống thoát nước chung, thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa cho khu vực; nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại đảm bảo tiêu chuẩn 3 ngăn sau đó mới được xả ra hệ thống thoát nước chung;

- Nước thải rửa than được thu gom chảy vào đường ống thoát nước và chảy về khu hồ lắng lọc, xử lý tự sau đó thoát ra cửa xả chung và thoát ra biển;

b) Thoát nước mưa, nước thải:

- Nước mưa chảy trên hè, xuống đường theo các rãnh thu nước ven đường vào giếng thu hàm ếch, sau đó chảy vào hố ga thu nước, chảy vào mương xây dầy đan trên hè, thu gom về cửa xả chung và thoát ra biển;

- Nước mưa chảy từ trên các sườn đồi được thu vào các mương hở xây bằng đá hộc quanh chân đồi, thu và dẫn nước về mương thoát chung sau đó xả ra biển; tại những điểm tụ thuỷ của đồi thì xây dựng cửa thu nước dẫn vào hệ thống mương thoát nước sườn đồi, dẫn ra mương thoát nước chung;

4.5. Cấp điện: Nguồn điện: Sử dụng mạng lưới điện của thị xã (từ mạng 35 Kv chạy song song với đường 18 cách dự án khoảng 2,8km) xây dựng 01 trạm biến áp công suất 500KVA cấp điện cho cả khu vực;

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả công bố công khai quy hoạch được duyệt; tổ chức, bố trí sắp xếp cho các doanh nghiệp chuyển từ cảng Cẩm Y và các doanh nghiệp khác đầu tư, kinh doanh bên cảng; hướng dẫn các Doanh nghiệp lập và trình duyệt địa điểm, quy hoạch chi tiết, dự án, báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện triển khai các bước của các Dự án thành phần theo quy định;

- Các Sở: Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp phối hợp với Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, môi trường đối với Hệ thống cảng; đề xuất việc quản lý đầu tư xây dựng và quản lý môi trường thống nhất tuyến đường dẫn vào và hệ thống bến cảng thủy nội địa;

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông – Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả; Giám đốc Công ty cổ phần quản lý đường sông 3; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *ml*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh (B/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
 - V0, V1, V2;
 - Như điều 3 (thực hiện);
 - QH2, QLDD, CN1-2, GTBD, TH1.
 - Lưu: VT, QH2;
- 30H-QĐ238

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ml
Nguyễn Quang Hưng